

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH VÕ C THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **09/2022/DS-ST**

Ngày: 09/6/2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH VÕ C THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỳ

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Sơn

Bà Nguyễn Thị Bích Lam

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiêm Uyên - Thư ký Tòa án huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Lâm Đa Cha – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 218/2021/TLST-DS ngày 22/12/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐST-DS, ngày 22/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐDS-ST ngày 13/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị P** – sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: thôn 01, xã V, huyện Tuy Phong, tỉnh Võ C Thuận;

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Đổng D** – sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: thôn 02, xã 03, huyện B, tỉnh Ninh Thuận

Bị đơn: ông **Võ C** – sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: thôn 01, xã V, huyện Tuy Phong, tỉnh Võ C Thuận;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2021, lời khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Đổng D** trình bày:

Vào ngày 18/3/2019 dương lịch, ông **Võ C** có đến nhà bà **Nguyễn Thị P** hỏi vay số tiền 80.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Ông **Võ C** có viết giấy mượn số tiền 80.000.000 đồng, tuy nhiên ông **Võ C** xin bà **P** cho mượn thêm 10.000.000 đồng nữa vì sợ trả lãi vào ngân hàng đáo hạn không đủ. Do đó ông **Võ C** sửa chữ số và chữ viết thành 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Khi

vay hai bên có thỏa thuận lãi suất hàng tháng 6%, ông Võ C hứa chỉ vay 30 ngày sẽ trả gốc và lãi nên ông Võ C không ghi lãi suất vào tờ giấy mượn tiền. Đến hạn ông Võ C chỉ đến nhà bà P trả số tiền 5.000.000 đồng, ông Võ C nói ngân hàng chưa đáo hạn xong, khi nào xong sẽ trả tiền cho bà P. Tuy nhiên sau đó ông Võ C đi luôn, bà P nhiều lần đến nhà và gọi điện yêu cầu ông Võ C trả nợ, khoảng thời gian đầu ông Võ C hẹn bán đất sẽ trả, sau đó ông Võ C không chịu trả tiền cho bà P.

Ngoài việc viết tờ giấy mượn tiền, ông Võ C còn ký vào cuốn sổ của bà P mượn số tiền 90.000.000 đồng, ông Võ C có viết chữ “đúng chín chục triệu”.

Tại Tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định số tiền 5.000.000 đồng ông Võ C đã trả là tiền gốc và thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ C phải trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền gốc 85.000.000 đồng và lãi suất 25.000.000 đồng, tổng cộng 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).

Đối với ông Võ C, sau khi Tòa án thụ lý vụ án ngày 22 tháng 12 năm 2021, qua xác minh tại thôn 01, xã V thì Võ C có mặt tại địa phương, do đó Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn biết về việc khởi kiện của bà Nguyễn Thị P bằng hình thức niêm yết tại nơi cư trú, tại Tòa án. Ngày 03 tháng 3 năm 2022 Tòa án tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 18 tháng 3 năm 2022 Tòa án tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải lần hai nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của bị đơn: bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Tòa án đã tổng đạt trực tiếp và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng ông Võ C vắng mặt không có lý do tại phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa ngày

13/5/2022, tại phiên tòa hôm nay ông Võ C tiếp tục vắng mặt không có lý do nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn ông Võ C là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Võ C phải có nghĩa vụ cho bà Nguyễn Thị P số tiền gốc 85.000.000 đồng, tiền lãi 25.000.000 đồng, tổng cộng 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Võ C có nơi cư trú tại: thôn 01, xã V, huyện Tuy Phong, tỉnh Võ C Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Võ C trả tiền nợ vay nên xác định đây là vụ kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao nhận các văn bản tố tụng cho bị đơn, bị đơn ông Võ C vắng mặt tại phiên tòa ngày 13/5/2022, tại phiên tòa hôm nay ông Võ C tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn ông Võ C theo quy định của pháp luật đồng thời căn cứ trên cơ sở các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xét xử.

[2] Về nội dung vụ án: Tại Tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu ông Võ C trả nợ gốc 85.000.000 đồng là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Võ C không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bao gồm:

Giấy mượn tiền ngày 18/3/2019 có chữ ký của bà Nguyễn Thị P và ông Võ C.

Sổ ghi nợ ngày 18/3/2019 nội dung có ghi “đúng chín chục triệu” có chữ ký của ông Võ C.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh nếu không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy thỏa thuận trong giấy vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự là không trái pháp luật. Do đó hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và bị đơn ông Võ C là hợp pháp.

Theo như thỏa thuận thời hạn vay là 30 ngày ông Võ C phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà P, ông Võ C không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả nợ cho bà P. Như vậy, ông Võ C có nợ tiền của bà Nguyễn Thị P nhưng không thực hiện việc thanh toán nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu ông Võ C phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền gốc 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng), là có căn cứ nên được chấp nhận.

Xét lời khai bà P cho rằng hai bên có thỏa thuận lãi suất 6%/ tháng, tuy nhiên chỉ là thỏa thuận bằng lời nói và vượt quá lãi suất do pháp luật quy định, do đó hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 468 để tính lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn. Lãi suất từ ngày 18/3/2019 đến ngày xét xử là 38 tháng: $85.000.000 \text{ đồng} \times 38 \text{ tháng} \times (10\%/12) = 26.916.666 \text{ đồng}$.

Tại Tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Võ C phải trả tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 18/3/2019 cho đến ngày xét xử là 38 tháng nhưng chỉ yêu cầu số tiền 25.000.000 đồng là thấp hơn 26.916.666 đồng. Do đó yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về phần án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2, 4 Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280; 357; 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

2. Buộc ông Võ C phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền gốc 85.000.000 đồng, tiền lãi 25.000.000 đồng, tổng cộng **110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng)**.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Ông Võ C phải nộp 5.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị P thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết công khai bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Võ C Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Lưu: Hồ sơ.

Lâm Thị Mỹ Kỳ